



Hiện trạng triển khai và định hướng ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN

Cục Ứng dụng CNTT – Bộ TTTT

Hà Nội, 7/2012



Nội dung

- I. Hiện trạng mức độ ỨDCNTT và phát triển CPĐT
 - 1.1 Đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của CQNN năm 2011
 - 1.2 Đánh giá chung
 - 1.3 Đánh giá, xếp hạng CPĐT của Liên hợp quốc
- II. Định hướng triển khai ứng dụng CNTT năm 2013
 - 2.1 Các văn bản mới định hướng chính sách phát triển CPĐT
 - 2.2 Định hướng ỨDCNTT năm 2013 tại các Bộ, ngành
 - 2.3 Định hướng ỨDCNTT năm 2013 tại các tỉnh, thành phố



I. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT & PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

1.1 Đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của CQNN năm 2011 (VN egov ranking)

1) Đối tượng & phương pháp đánh giá

- ❑ **Đối tượng:** Bộ cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ
- ❑ **Phương pháp:**
 - Báo cáo của các đơn vị
 - Kiểm tra: Thực tế trên Website/Portal, đối chiếu với số liệu báo cáo trong cả năm của các đơn vị
 - Tính điểm và xếp hạng theo từng hạng mục
- ❑ **Tiêu chí đánh giá:**
 - Hạ tầng CNTT
 - Triển khai ứng dụng CNTT
 - ✓ ỨD phục vụ công tác quản lý điều hành
 - ✓ ỨD phục vụ người dân và doanh nghiệp (Website, DVCTT)
 - Xây dựng cơ chế, chính sách
 - Nhân lực CNTT



1.1 Đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của CQNN năm 2011 (tiếp)

1) Xếp hạng Tổng thể mức độ ứng dụng CNTT

a) Xếp hạng các Bộ, cơ quan ngang Bộ

TT	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2010
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	01	01
2	Bộ Ngoại giao	02	05
3	Bộ NN&PTNT	03	13
4	Bộ Tài chính	04	03
5	Thanh tra Chính phủ	05	20
6	Bộ Công Thương	06	02
		
16	Bộ Y tế	16	11
17	Ủy ban dân tộc	17	15
18	Bộ VH, TT & DL	18	18
19	Bộ Công an	19	19
20	Bộ Quốc phòng	20	21

b) Xếp hạng các tỉnh, thành phố

TT	Tỉnh, thành	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2010
1	TP. Đà Nẵng	01	02
2	An Giang	02	11
3	Thừa Thiên - Huế	03	01
4	Thanh Hóa	04	28
5	Lào Cai	05	12
6	Bình Phước	06	55
		
59	Đắk Nông	59	63
60	Lai Châu	60	54
61	Bến Tre	61	19
62	Hà Giang	62	62
63	Cao Bằng	63	59



- ❑ **Thanh tra Chính phủ (20-5):** cuối 2010 - 2011, TTCP đã đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng cổng thông tin điện tử; bên cạnh đó các quy định về trao đổi văn bản điện tử, sử dụng email, khuyến khích ứng dụng CNTT được ban hành giúp tỉ lệ cán bộ sử dụng ứng dụng CNTT, trao đổi văn bản điện tử trong công việc tăng là các yếu tố giúp TTCP có sự tăng hạng nhiều trong năm 2011.

- ❑ **Thanh Hóa (28-4):** Đầu tư nâng cấp hạ tầng, đẩy mạnh sử dụng ứng dụng phục vụ công tác quản lý điều hành (Hệ thống ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa: 2010: một vài đ.vị được triển khai, 2011: 70% đv được triển khai) , cung cấp DVCTT mức độ 3 (2010: có 0 DV, 2011: có 39 DV), đẩy mạnh trao đổi văn bản điện tử và cung cấp đầy đủ thông tin lên Website là các yếu tố thúc đẩy sự tăng hạng của Thanh Hóa năm 2011.

- ❑ **Bình Phước (55-6):** Đầu tư cung cấp DVCTT mức độ 3 (2010: có 17 DV, 2011: có 89 DV), đẩy mạnh trao đổi văn bản điện tử và cung cấp đầy đủ thông tin lên Website là các yếu tố thúc đẩy sự tăng hạng của Bình Phước năm 2011.



2) Cung cấp thông tin trên Website/Portal

a) Xếp hạng Bộ, cơ quan ngang Bộ

TT	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2010
1	Bộ TT&TT	01	01
2	Bộ Công Thương	02	10
3	Bộ Xây dựng	03	09
4	Bộ NN & PTNT	04	04
5	Thanh tra Chính phủ	05	20
		
17	Ủy ban Dân tộc	17	18
18	Bộ Y tế	18	13
19	Bộ VH, TT & DL	19	19
20	Bộ Công an	20	11
21	Bộ Nội vụ	21	15

b) Xếp hạng tỉnh, thành phố

TT	Tỉnh, thành phố	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2010
1	Thừa Thiên Huế	01	01
2	Đồng Tháp	02	19
3	Quảng Bình	02	02
4	Yên Bái	04	20
5	Khánh Hòa	05	25
59	Kiên Giang	59	52
60	Thái Bình	60	60
61	Điện Biên	61	47
62	Hà Giang	62	57
63	Bà Rịa - Vũng Tàu	63	62



- ❑ Nguyên nhân tăng hạng cung cấp thông tin của một số đơn vị:
 - ✓ Bộ Xây dựng (9-3): Sau khi công bố xếp hạng trong năm 2010, cán bộ chuyên trách CNTT của Bộ XD đã làm việc trực tiếp với Cục U'DCNTT để tìm hiểu những điểm còn thiếu và yếu trong việc cung cấp thông tin và các chức năng của hệ thống; năm 2011, các điểm còn hạn chế đã được khắc phục
 - ✓ Thanh tra Chính phủ (20-5): Website mới được nâng cấp nên đã đáp ứng tốt hơn với các quy định về cung cấp thông tin và các chức năng theo các quy định hiện hành;
 - ✓ Đồng Tháp (19-2), Yên Bái (20-4), Khánh Hòa (25-5): là các tỉnh đã huy động được nhân lực cộng tác cho Ban biên tập Website/Portal và chú ý tới việc cung cấp đầy đủ các hạng mục thông tin theo quy định của Nghị định 43/2011/NĐ-CP



3) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Xếp hạng Bộ, cơ quan ngang Bộ

TT	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2010
1	Bộ Ngoại giao	01	02
2	Bộ Công Thương	02	03
3	Bộ NN & PTNT	03	14
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	04	10
5	Bộ Tài chính	05	05
		
17	Bộ LĐ, TB & XH	17	07
18	Bộ Giao thông vận tải	18	11
19	Bộ Tài nguyên và Môi trường	19	17

b) Xếp hạng tỉnh, thành phố

TT	Tỉnh, thành phố	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2010
1	An Giang	01	07
2	TP. Đà Nẵng	02	28
3	Bình Phước	03	32
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	04	06
5	Thừa Thiên Huế	05	03
		
59	Cao Bằng	44	49
60	Thái Nguyên	44	52
61	Ninh Thuận	44	53
62	Bắc Ninh	44	60
63	Hà Giang	44	62



- ❑ Hầu hết thủ tục hành chính đã được đưa lên mạng tại Website/Portal của CQNN và tại Website CSDL thủ tục hành chính

<http://csdl.thutuchanhchinh.vn/>

- ❑ DVCTT mức độ 3-4 ngày càng tăng & được triển khai sâu rộng

❖ Công khai

❖ Minh bạch

Tăng cường ❖ Tiết kiệm



❖ Hiệu quả

❖ Nâng cao uy tín của Việt Nam

- ❑ Hồ sơ tiếp nhận và xử lý qua DVCTT ngày càng tăng

	Bộ, CQ ngang Bộ		Tỉnh, thành phố	
	2011	2010	2011	2010
DVCTT mức độ 3	18	17	829	748
DVCTT mức độ 4	3	1	8	3

TT	Đơn vị	Tên dịch vụ	Mức độ	TS hồ sơ đã giải quyết trong 2011	TS HS qua DVCTT 2011	Tỉ lệ xử lý TT
1	TP. HCM (Sở TTTT)	Cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không K.Doanh	4	12,049	12,033	99.9%
2	Bình Định (TP Quy Nhơn)	Cấp giấy phép xây dựng	3	1,091	789	72.3%
3	Bộ Tài chính	Thủ tục hải quan điện tử	3	5,230,424	2,720,271	52.0%
4	Bộ Tài chính	DV kê khai thuế và nộp tờ khai trực tuyến	4	585,081	585,081	100.0%
5	Bộ Công Thương	Quản lý và cấp chứng nhận xuất sứ điện tử	3	198,668	89,934	45.3%
6	Bộ Công Thương	Cấp giấy xác nhận khai báo hóa chất	4		5,200	
7	Bộ Ngoại giao	Phục vụ các đoàn Ngoại giao	3	1,400	1,400	100.0%



Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành (1)

❑ Ứng dụng thư điện tử (eMail)

	Tỉ lệ đã triển khai sử dụng	Tỉ lệ trung bình CB được cấp eMail	Tỉ lệ CB thường xuyên SD eMail
Bộ, CQ ngang Bộ	100%	93.8%	88.7%
Tỉnh, Tp. trực thuộc TƯ	93.7%	80.3%	67.0%

* *Hạn chế*: Một số đơn vị Lãnh đạo còn chưa thường xuyên sử dụng eMail; hệ thống eMail của nhiều đơn vị chưa được quản lý chuyên nghiệp

❑ Quản lý văn bản điều hành

	Tỉ lệ đã triển khai sử dụng	TL đã triển khai SD đến 100% đ.vị thuộc, tr. thuộc	TL trung bình văn bản được chuyển hoàn toàn qua mạng trong nội bộ cơ quan
Bộ, CQ ngang Bộ	86.4%	50.0%	51.8%
Tỉnh, Tp. trực thuộc TƯ	93.7%	28.6%	Nội bộ UBND tỉnh: 52.3% Nội bộ sở, ngành: 37.6%

* *Hạn chế*: Các hệ thống không kết nối trao đổi được văn bản với các Bộ, ngành, địa phương khác



Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành (2)

- ❑ **Một số ứng dụng đặc thù** của các Bộ, ngành và địa phương đã được triển khai sử dụng hiệu quả

Một ví dụ: Hệ thống đấu thầu điện tử (Bộ Kế hoạch và Đầu tư):

- Tổng số đăng ký người dùng trên Hệ thống: hơn 2000 cơ quan trong đó hơn 1600 Bên mời thầu và hơn 400 Nhà thầu
- Số lượng Kế hoạch đấu thầu được đăng tải: hơn 800,
- Số lượng thông báo mời thầu: hơn 20.000.
- Thực hiện thành công đấu thầu qua mạng: 55 gói thầu
- 1 ví dụ: Gói thầu mua sắm hàng hóa: TG mở thầu: 15 giây, bao gồm 29 tệp tin của 14 nhà thầu trên cả nước; Nhà thầu được lựa chọn với giá trúng chỉ bằng 70% so với giá gói thầu được duyệt trong kế hoạch đấu thầu



1.2 Đánh giá chung

- ❑ Trong năm 2011, công tác ứng dụng CNTT tiếp tục triển khai mạnh và đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước cũng như phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.
- ❑ Về cung cấp thông tin: Website/Portal của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ngày càng cung cấp đầy đủ và kịp thời những thông tin chủ yếu theo quy định -> công khai, minh bạch
- ❑ Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: So với năm 2010, các cơ quan nhà nước tiếp tục duy trì và xây dựng thêm nhiều dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 (năm 2010: có 748 dịch vụ mức độ 3, có 03 dịch vụ mức độ 4; năm 2011: có 829 dịch vụ mức độ 3, có 08 dịch vụ mức độ 4).



Thông tin chi tiết “**Báo cáo đánh giá Website/Portal và mức độ ứng dụng CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2011**” xem trên Website của Bộ Thông tin và Truyền thông và Cục Ứng dụng CNTT – Bộ TTTT tại địa chỉ:

www.mic.gov.vn

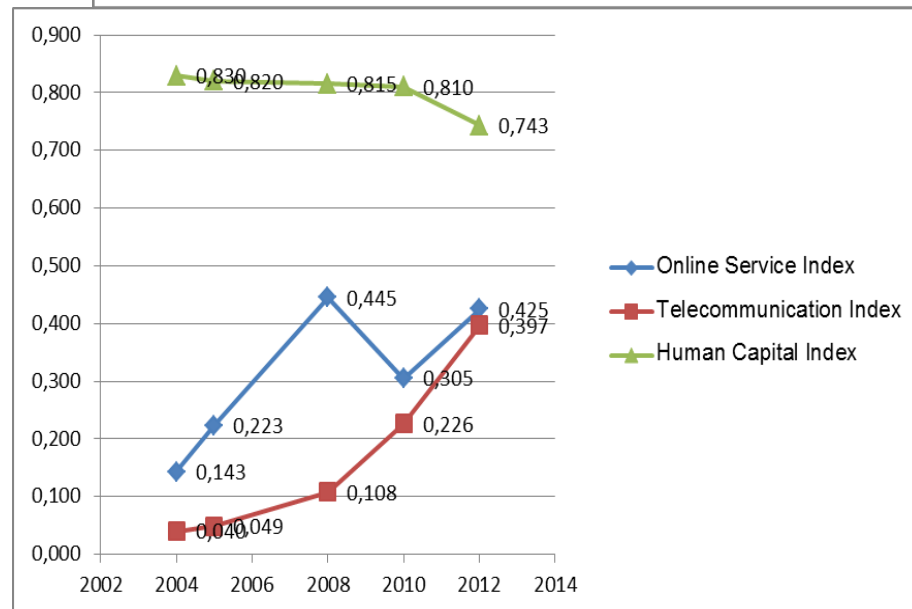
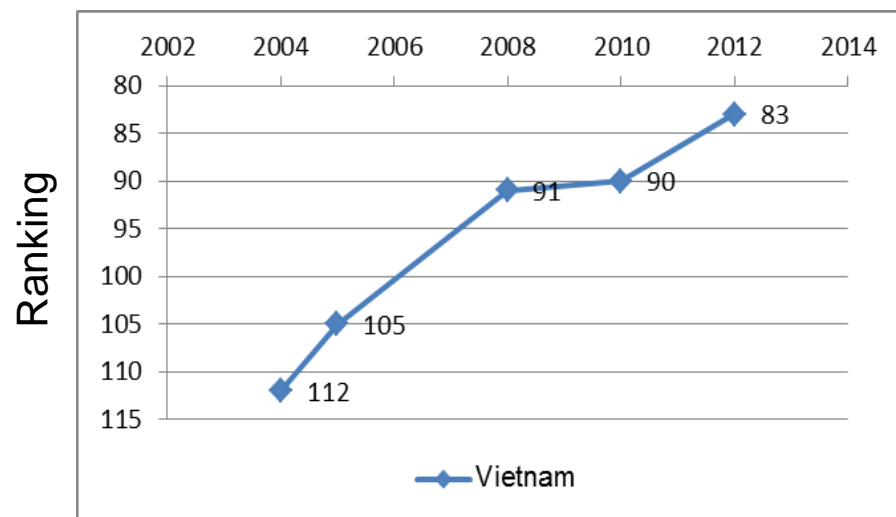
www.aita.gov.vn



1.3 Đánh giá xếp hạng CPĐT của Liên hiệp quốc

TT	Quốc gia	2004	2005	2008	2010	2012
1	Singapore	8	7	23	11	10
2	Malaysia	42	43	34	32	40
3	Brunei	63	73	47	68	54
4	Viet Nam	112	105	91	90	83
5	Philippines	47	41	66	78	88
6	Thailand	50	46	62	76	92
7	Indonesia	85	96	106	109	97
8	Laos	144	147	156	151	153
9	Cambodia	129	128	115	140	155
10	Myanmar	123	129	145	141	160
11	Timor-Leste	174	144	155	162	170

* Number of Countries and regions were ranked by year: 2004: 178/191, 2005: 179/191, 2008: 182/192, 2010: 183/192, 2012: 190/192





II. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CQNN NĂM 2012

2.1 Các văn bản mới định hướng chính sách phát triển CPĐT

- ❑ **Nghị quyết số 30c/NQ-CP** ngày 08/11/2011 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.
 - ✓ Trong đó xác định nhiệm vụ “6.Hiện đại hóa hành chính”, bao gồm các nội dung về ứng dụng CNTT nhằm CCHC hiện đại hóa CQNN.
- ❑ **Nghị quyết số 16/NQ-CP** ngày 08/6/2012 của CP ban hành Chương trình hành động thực hiện NQ 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành TW về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.
 - ✓ Tại NQ13 đã đưa ra định hướng phát triển hạ tầng thông tin, trong đó nêu: “Đẩy nhanh tiến trình thực hiện thẻ công dân điện tử, CPĐT và cam kết ASEAN điện tử; Đẩy mạnh ỨDCNTT vào QL, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH và toàn bộ nền kinh tế. Coi phát triển và ỨDCNTT là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng ngành, từng lĩnh vực.
 - ✓ NQ16 xác định trách nhiệm của các cơ quan trong triển khai thực hiện NQ 13, trong đó có nội dung phát triển CPĐT trên phạm vi cả nước.



2.1 Các văn bản mới định hướng chính sách phát triển CPĐT

- ❑ **Chỉ thị số 15/CT-TTg** ngày 22/5/2012 của TTgCP về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động CQNN:
 - ❑ Phải sử dụng hệ thống thư điện tử để trao đổi các loại văn bản sau đây trong nội bộ mỗi cơ quan: Giấy mời họp nội bộ; tài liệu phục vụ họp; văn bản đề biết, đề báo cáo; thông báo chung của cơ quan; các tài liệu cần trao đổi trong quá trình xử lý công việc
 - ❑ Các loại tài liệu, văn bản hành chính đã được xác thực bằng chữ ký số và gửi qua mạng thì không phải gửi thêm văn bản giấy;
 - ❑ Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc CP và UBND các thành phố trực thuộc Trung ương: HN, HP, ĐN, HCM và CT chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trong hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền, bắt buộc gửi kèm văn bản điện tử song song cùng văn bản giấy trong năm 2012; tiến tới xử lý, trao đổi công việc chủ yếu qua môi trường mạng.
 - ❑ Bộ TT&TT xây dựng lộ trình bắt buộc thực hiện việc gửi hồ sơ điện tử kèm theo hồ sơ trình giấy tại các cấp từ TƯ-ĐP, đến năm 2015 có 60% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa CQNN được trao đổi dưới dạng điện tử;
 - ❑ Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng các văn bản quy định về lưu trữ văn bản điện tử



2.3 Định hướng ƯDCNTT năm 2013 tại các Bộ, ngành

□ Ưu tiên triển khai các nội dung ƯDCNTT năm 2013 :

a) Những nội dung chung cho các cơ quan

- Hệ thống thư điện tử và HTTT quản lý VB&ĐH:

+ Bảo đảm tối thiểu 35% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các CQNN được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

+ Quán triệt thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg.

- Cổng/trang thông tin điện tử:

+ Bảo đảm 80% các cơ quan quản lý nhà nước (cấp Cục hoặc tương đương) có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin được quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

+ Cung cấp được ít nhất 20% số dịch vụ công được ưu tiên cung cấp tối thiểu mức độ 3 đối với Bộ tương ứng được nêu tại Quyết định 1605/QĐ-TTg.

- **Triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành:** Ưu tiên triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành trên diện rộng, tạo nền tảng cho các ứng dụng CNTT

- **Triển khai ứng dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin:** Tăng cường triển khai QL ATTT theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009; sd chữ kí số,...

- **Đào tạo nguồn nhân lực CNTT đặc biệt về ATAN TT, quản lý đầu tư**



2.3 Định hướng ƯDCNTT năm 2013 tại các Bộ, ngành (tiếp)

b) Nội dung đặc thù các cơ quan:

Tương ứng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các Cơ quan xem xét xây dựng kế hoạch với các nội dung đặc thù của mình trong năm 2013 ngoài các nội dung ưu tiên chung nêu ở phần trên. Các nội dung đặc thù bao gồm:

- Các chỉ tiêu chuyên ngành cho năm 2013.
- Danh mục các dịch vụ công cung cấp trực tuyến mức độ 3,4.
- Danh mục dự án chuyên ngành, đặc biệt là các dự án được nêu tại Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.



2.4 Định hướng ƯDCNTT năm 2013 tại các tỉnh, thành phố

▪ Ưu tiên triển khai các nội dung ƯDCNTT năm 2013 như sau:

- Hệ thống thư điện tử và HTTT quản lý văn bản và điều hành:

+ Bảo đảm tối thiểu 30% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

+ Hướng dẫn nội dung trao đổi văn bản điện tử theo Chỉ thị số 15/CT-TTg.

- Cổng/trang thông tin điện tử:

+ Cần được hoàn thiện, nâng cấp, bảo đảm 70% các cơ quan (đến cấp sở, ban, ngành, quận, huyện) có Website/Portal cung cấp đầy đủ thông tin được quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

+ Đảm bảo thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thuộc nhóm dịch vụ công được ưu tiên triển khai nêu tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.



2.4 Định hướng ƯDCNTT năm 2013 tại các tỉnh, thành phố

- **Ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông:** Chọn lựa nội dung phù hợp với địa phương để triển khai tại một số đơn vị điểm, từ đó đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng ở giai đoạn tiếp theo. Trước hết nên triển khai tại những khu vực có mật độ dân số cao, có đòi hỏi lớn hơn về nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính.
- **Triển khai ứng dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin:** Tăng cường triển khai quản lý an toàn thông tin số theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009; ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng,...
- **Thúc đẩy nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực các cấp về ứng dụng CNTT trong cơ quan nước:** Ưu tiên đào tạo các nội dung về an toàn, an ninh thông tin và các nội dung về quản lý đầu tư theo Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ.



- ❑ *“Đẩy mạnh U’DCNTT vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH và toàn bộ nền kinh tế. coi phát triển và U’DCNTT là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng ngành, từng lĩnh vực”*

(Trích NQ 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành TW về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020)



Trân trọng cảm ơn!